

Số: 4532 /KH-SYT

Hưng Yên, ngày 11 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Kế hoạch số 1248/KH-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; Công văn số 4294/UBND-KGVX ngày 07/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp triển khai thực hiện chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, Sở Y tế ban hành Kế hoạch Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế Hưng Yên như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế theo chỉ đạo của Bộ Y tế; nâng cao chất lượng dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm dữ liệu **đúng, đủ, sạch, sống**, phục vụ công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo, điều hành và chuyển đổi số ngành y tế.

Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật và hoàn thiện dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn tỉnh; khắc phục tình trạng dữ liệu thiếu, sai, trùng lặp, không đồng nhất; nâng cao tính chính xác, đầy đủ và tin cậy của dữ liệu.

Tăng cường kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở y tế với Trung tâm dữ liệu ngành Y tế tỉnh Hưng Yên, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Y tế, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật.

Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng, an toàn thực phẩm, dân số, quản lý nhân lực y tế, quản lý môi trường y tế và các lĩnh vực chuyên môn khác; góp phần cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, cập nhật, duy trì và khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế; hình thành quy trình quản trị dữ liệu thường xuyên, liên tục sau khi kết thúc chiến dịch.

2. Yêu cầu

Việc triển khai phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện.

Bảo đảm 100% các phòng, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập, cơ sở tiêm chủng, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực

phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế tham gia triển khai theo nhiệm vụ được phân công.

Dữ liệu được rà soát, chuẩn hóa phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời; tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, danh mục dùng chung và quy định của Bộ Y tế; bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

Tăng cường phối hợp giữa Sở Y tế với Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xác minh, đối soát, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước trong toàn bộ quá trình thu thập, cập nhật, lưu trữ, khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về dữ liệu và an toàn thông tin.

Kết quả triển khai phải được theo dõi, đánh giá thường xuyên; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định; duy trì việc cập nhật, làm sạch và quản trị dữ liệu thường xuyên sau khi kết thúc chiến dịch, bảo đảm dữ liệu luôn được cập nhật, chính xác và phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của ngành y tế.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Phạm vi 12 Cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế

1. CSDL cơ sở trợ giúp xã hội.
2. CSDL đối tượng trợ giúp xã hội.
3. CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS.
4. CSDL môi trường cơ sở y tế.
5. CSDL người khuyết tật.
6. CSDL người làm công tác xã hội.
7. CSDL quản lý trẻ em.
8. CSDL về an toàn thực phẩm.
9. CSDL về khám, chữa bệnh.
10. CSDL về nhân lực y tế.
11. Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.
12. Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản.

III. Nhiệm vụ và phân công trách nhiệm

1. Văn phòng Sở Y tế:

- Đầu mối đôn đốc và triển khai việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; làm đầu mối phối hợp với Bộ Y tế, Công an tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai.

- Thành lập Tổ công tác cấp tỉnh: Thành phần gồm Lãnh đạo sở Y tế, các phòng, đơn vị là chủ trì của các cơ sở dữ liệu.

2. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Chủ trì rà soát, làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa và duy trì dữ liệu sống đối với các Cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý.

Chủ động phối hợp với vụ, cục thuộc Bộ Y tế là đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu để chốt bộ trường bắt buộc, danh mục dùng chung, logic nghiệp vụ trước khi tiến hành

làm sạch dữ liệu trước ngày 22/7/2026, cụ thể như sau:

2.1. Phòng Bảo trợ xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa với 04 cơ sở dữ liệu: CSDL cơ sở trợ giúp xã hội; CSDL đối tượng trợ giúp xã hội; CSDL người khuyết tật; CSDL người làm công tác xã hội theo hướng dẫn của Bộ Y tế như thông tin định danh, địa chỉ, tình trạng hưởng chính sách và trạng thái hiện tại.

Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã, Công an địa phương

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục Bảo trợ xã hội

2.2. Phòng Kế hoạch tài chính Sở Y tế:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu môi trường cơ sở y tế theo quy định của Bộ Y tế.

Đơn vị thực hiện: Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục phòng bệnh

2.3. Phòng Nghiệp vụ Y:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về Khám bệnh, chữa bệnh: dữ liệu người bệnh, hồ sơ khám bệnh, chữa bệnh, dữ liệu hành chính, mã định danh, thẻ bảo hiểm y tế, mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, mã dịch vụ, dữ liệu liên thông từ HIS và các dữ liệu chuyên ngành khác.

Đơn vị thực hiện: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh.

2.4. Phòng Tổ chức cán bộ Sở Y tế: Cơ sở dữ liệu về nhân lực y tế (Chưa có Hệ thống cơ sở dữ liệu nhân lực của Bộ Y tế).

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu nhân lực y tế thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế, bao gồm: hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; thông tin định danh cá nhân; chức danh nghề nghiệp; vị trí việc làm; trình độ chuyên môn; chuyên khoa; chức vụ; đơn vị công tác; giấy phép hành nghề; quá trình đào tạo, bồi dưỡng; biến động nhân lực và các thông tin chuyên ngành khác theo quy định.

Đơn vị thực hiện: Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh

Đơn vị phối hợp: Phòng Quản lý hành nghề Y dược;

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Vụ Tổ chức cán bộ

2.5. Chi cục Dân số và trẻ em:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em

Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã, Công an cấp xã trong việc xác minh, cập nhật thông tin trẻ mới sinh, khai sinh, khai tử, người giám hộ, địa chỉ cư trú và các thông tin liên quan phục vụ làm sạch dữ liệu.

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục Bà mẹ và trẻ em

2.6. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý thực hiện cập nhật, bổ sung và chuẩn hóa dữ liệu theo quy định của Bộ Y tế.

Đơn vị phối hợp: UBND cấp xã, Công an xã và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan xác minh thông tin về địa chỉ, người đại diện, ngành nghề kinh doanh, tình trạng hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm khi có yêu cầu phục vụ công tác chuẩn hóa dữ liệu.

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục An toàn thực phẩm

2.7. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật:

Đầu mối chủ trì, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị liên quan rà soát, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa 03 cơ sở dữ liệu

- CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS;
- Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia;
- Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản

Đơn vị thực hiện: Trạm Y tế xã, các cơ sở tiêm chủng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và các đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia và Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản; CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS bảo đảm dữ liệu đáp ứng các tiêu chí **Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dừng chung, Thông suốt và Đồng bộ** theo quy định của Bộ Y tế.

Đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Bộ Y tế: Cục Bà mẹ và trẻ em; Cục phòng bệnh.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Kế hoạch được chia làm 6 giai đoạn chính:

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
1	Giai đoạn 1. Khởi động và phân công đầu mối: - Ban hành Kế hoạch triển khai của Sở Y tế - Thành lập Tổ công tác cấp tỉnh và Tổ dữ liệu cấp xã. - Xác định đơn vị chủ quản nghiệp vụ của 12 CSDL. - Thiết lập kênh điều phối, lịch họp, mẫu báo cáo.	06/7/2026 - 12/7/2026	- Kế hoạch của Sở Y tế. - Quyết định thành lập Tổ công tác. - Danh sách đầu mối phụ trách 12 cơ sở dữ liệu.
2	Giai đoạn 2. Kiểm kê dữ liệu, chuẩn hóa bộ quy tắc - Kiểm kê hiện trạng 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế. - Chốt bộ trường bắt buộc, danh mục dùng chung, logic nghiệp vụ. - Chuẩn hóa danh mục địa giới, mã cơ sở, mã	13/7/2026 - 22/7/2026	Báo cáo kiểm kê; bộ quy tắc dữ liệu

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
	đơn vị, mã trạng thái.		
3	Giai đoạn 3. Làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa dữ liệu - Chạy profiling dữ liệu trên 12 CSDL. - Thống kê dữ liệu thiếu, sai định dạng, sai logic, trùng lặp, dữ liệu rác/test. - Tiếp nhận tài khoản xử lý dữ liệu do Bộ Y tế cung cấp - Tham dự các lớp tập huấn cho đầu mối cấp tỉnh, cấp xã và đơn vị phát sinh dữ liệu	23/7/2026 - 02/8/2026	Báo cáo lỗi ban đầu; danh mục lỗi theo CSDL; danh sách giao xử lý; tài khoản phân quyền; tài liệu hướng dẫn
4	Giai đoạn 4. Xử lý kỹ thuật tập trung: 1. Đóng băng mốc dữ liệu ban đầu và sao lưu. - Chuyển danh sách hồ sơ cần xác minh đến các đơn vị. - Công an cấp xã phối hợp xác minh thông tin định danh, cư trú theo quy định. - UBND cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch phối hợp xác minh khai sinh, khai tử, thay đổi hộ tịch. - Trạm Y tế xã, Trung tâm Y tế xã, bệnh viện và các cơ sở y tế cập nhật thông tin chuyên môn. - Các đơn vị phụ trách từng cơ sở dữ liệu cập nhật và hoàn thiện dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	03/8/2026 - 22/8/2026	- Hồ sơ đã xác minh. - Dữ liệu được cập nhật, hoàn thiện. - Biên bản xác nhận kết quả xử lý.
5	Giai đoạn 5. Rà soát thực địa và cập nhật bổ sung: - Sở Y tế phân phối danh sách lỗi đến đơn vị chuyên môn và cấp xã. - Công an cấp xã xác minh định danh, cư trú, chuyển đi, không còn ở địa bàn, trùng/nghi trùng. - Tư pháp - hộ tịch xác minh khai sinh, khai tử, thay đổi hộ tịch. - Trạm y tế, CDC, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở tiêm chủng cập nhật dữ liệu y tế chuyên ngành. - Đơn vị an toàn thực phẩm, nhân lực y tế, môi trường y tế và bảo trợ xã hội cập nhật dữ liệu theo phạm vi được giao	23/8/2026 - 15/9/2026	Hồ sơ đã cập nhật; kết quả xác minh của Công an cấp xã, tư pháp - hộ tịch; biên bản xác nhận của Tổ dữ liệu cấp xã
6	Giai đoạn 6. Kiểm tra, phúc tra, nghiệm thu và bàn giao duy trì: - Chạy lại bộ quy tắc kiểm tra sau cập nhật. - Phúc tra mẫu tại địa phương có tỷ lệ lỗi cao hoặc xử lý bất thường.	16/9/2026 - 30/9/2026	Báo cáo chất lượng sau làm sạch; biên bản phúc tra; báo cáo đối soát bước 2; biên bản nghiệm thu; quy trình

STT	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Sản phẩm đầu ra
	- Đối soát bước 2 với CSDL dân cư, CSDL tổng hợp quốc gia và hệ thống liên quan. - Nghiệm thu từng CSDL theo tiêu chí Đúng, Đủ, Sạch, Sống. - Lập danh sách tồn đọng có lý do và kế hoạch xử lý tiếp. - Bàn giao quy trình duy trì dữ liệu sống.		vận hành sau chiến dịch; báo cáo tổng kết.

IV. THÔNG NHẬT QUY TRÌNH LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Có Hướng dẫn tại phụ lục kèm theo)

V. CƠ CHẾ PHỐI HỢP

1. Công an tỉnh

Chỉ đạo Công an cấp xã phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã, Trạm Y tế xã và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai chiến dịch làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn tỉnh; phối hợp xác minh, đối soát thông tin số định danh cá nhân, căn cước công dân, thông tin cư trú, tình trạng công dân đối với các trường hợp dữ liệu thiếu, sai, không đồng nhất, trùng lặp hoặc có nghi vấn theo danh sách do Sở Y tế và các đơn vị chuyên môn chuyển đến; bảo đảm việc khai thác, sử dụng thông tin đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Nguyên tắc phối hợp: Chỉ cung cấp danh sách cần xác minh theo đúng phạm vi nhiệm vụ; không chia sẻ tràn lan dữ liệu nhạy cảm; bảo đảm phân quyền tối thiểu, ghi nhật ký truy cập, có biên bản giao nhận và thời hạn xử lý.

2. UBND cấp xã

Thành lập Tổ dữ liệu cấp xã gồm: Đại diện UBND xã, Công an xã, tư pháp - hộ tịch, trạm y tế, công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên và trưởng thôn/tổ dân phố. Tổ này chịu trách nhiệm xác minh các danh sách lỗi được giao và phản hồi kết quả xử lý.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và cán bộ trực thuộc:

+ Bộ phận tư pháp - hộ tịch cấp xã: Phối hợp xác minh khai sinh, khai tử, thay đổi hộ tịch, dữ liệu trẻ em mới sinh, thông tin cha/mẹ/người giám hộ, trường hợp đã mất nhưng hồ sơ còn trạng thái đang hoạt động.

+ Công chức văn hóa - xã hội cấp xã: Rà soát dữ liệu cơ sở trợ giúp xã hội, đối tượng trợ giúp xã hội, người khuyết tật, người làm công tác xã hội, trẻ em tại cơ sở, đối tượng chính sách và nhóm yếu thế.

+ Trạm Y tế cấp xã rà soát, cập nhật dữ liệu quản lý trên đại bàn gồm: trẻ em, tiêm chủng, sức khỏe bà mẹ trẻ em, đối tượng trợ giúp xã hội, đối tượng khuyết tật; các đối tượng quản lý khác và dữ liệu phát sinh từ tuyến y tế cơ sở.

+ Cán bộ địa bàn, cộng tác viên dân số/y tế/trẻ em, trưởng thôn/tổ dân phố: Hỗ trợ xác minh thực tế các trường hợp thiếu thông tin, sai địa chỉ, di biến động, trẻ mới sinh, người đã mất, người không có khả năng tự cung cấp thông tin

Trên đây là Kế hoạch Triển khai chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Y tế (qua Văn phòng Sở) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các đơn vị y tế khác trên địa bàn tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trạm y tế xã, phường;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Hùng

I. HƯỚNG DẪN THỐNG NHẤT QUY TRÌNH LÀM SẠCH

Bước 1. Sao lưu dữ liệu

Mỗi CSDL phải có bản sao lưu tại thời điểm bắt đầu chiến dịch để làm căn cứ so sánh trước - sau. Toàn bộ thao tác chỉnh sửa, cập nhật, gộp, tách, xóa, khóa hồ sơ phải có nhật ký xử lý.

Bước 2. Đánh giá chất lượng dữ liệu

Đánh giá các nhóm lỗi: thiếu trường bắt buộc; sai định dạng; sai logic nghiệp vụ; trùng lặp tuyệt đối; nghi trùng tương đối; dữ liệu không còn sống hoặc không đúng trạng thái hiện tại; dữ liệu rác/test; sai danh mục dùng chung hoặc sai địa giới hành chính.

Bước 3. Chuẩn hóa danh mục và định dạng

Chuẩn hóa danh mục địa giới hành chính, mã cơ sở y tế, mã cơ sở tiêm chủng, mã cơ sở trợ giúp xã hội, mã cơ sở thực phẩm, mã đơn vị nhân sự, danh mục giới tính, dân tộc, trạng thái hồ sơ, loại dịch vụ, loại đối tượng; chuẩn hóa họ tên, ngày tháng, CCCD/số định danh, số điện thoại, địa chỉ, mã cơ sở, mã địa bàn, mã giấy phép/chứng chỉ.

Bước 4. Xử lý trùng lặp

Trùng tuyệt đối được xử lý tập trung theo quy tắc đã được phê duyệt. Trùng tương đối phải chuyển về đơn vị phát sinh dữ liệu hoặc địa phương để xác minh trước khi gộp, tách hoặc xóa.

Bước 5. Bổ sung dữ liệu thiếu

Dữ liệu thiếu được bổ sung từ dữ liệu đã có trong hệ thống của Bộ Y tế; dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, hộ tịch, bảo hiểm, địa giới, cơ sở y tế hoặc hệ thống liên quan theo cơ chế được phê duyệt; hồ sơ nghiệp vụ tại các đơn vị chuyên ngành; kết quả xác minh thực địa của UBND cấp xã, Công an cấp xã, tư pháp - hộ tịch, trạm y tế và cộng tác viên.

Bước 6. Kiểm tra, phúc tra

Sau khi cập nhật, hệ thống chạy lại bộ quy tắc kiểm tra. Sở Y tế và đơn vị chủ quản CSDL tổ chức kiểm tra/phúc tra theo mẫu, ưu tiên các địa phương có tỷ lệ lỗi cao, xử lý chậm hoặc có biến động dữ liệu bất thường.

Bước 7. Duy trì dữ liệu sống

Sau chiến dịch, mỗi CSDL phải có quy trình cập nhật thường xuyên, dashboard cảnh báo lỗi mới, cơ chế báo cáo định kỳ và đầu mối chịu trách nhiệm duy trì chất lượng dữ liệu.

II. RỦI RO VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

TT	Rủi ro	Tác động	Phương án xử lý
 1	Dữ liệu định danh thiếu nhiều	Khó đối soát với CSDL dân cư	Giao danh sách về cấp xã, Công an cấp xã, tư pháp - hộ tịch xác minh.
 2	Địa giới hành chính thay đổi sau sắp xếp	Sai địa chỉ, sai đơn vị quản lý	Áp dụng bảng mapping địa giới mới, đồng bộ toàn hệ thống.
 3	Hồ sơ nghi trùng nhưng chưa đủ căn cứ	Nguy cơ gộp/xóa sai	Không tự động gộp; bắt buộc xác minh nghiệp vụ và xác nhận địa phương.
 4	Dữ liệu nhạy cảm bị xuất tràn lan	Nguy cơ mất an toàn thông tin	Phân quyền tối thiểu, ẩn dữ liệu nhạy cảm khi không cần thiết, ghi log, kiểm soát xuất dữ liệu.
 5	Lỗi phát sinh lại sau chiến dịch	Không duy trì được dữ liệu sống	Thiết lập cảnh báo lỗi mới, báo cáo định kỳ, quy trách nhiệm đơn vị phát sinh dữ liệu.

Phụ lục II
TRỌNG TÂM LÀM SẠCH THEO TỪNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SYT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế)

I. TRỌNG TÂM LÀM SẠCH THEO TỪNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

TT	CSDL	Đơn vị nghiệp vụ cấp Bộ	Đơn vị chủ trì	Đối tượng cấp xã tham gia	Trọng tâm làm sạch
1	CSDL cơ sở trợ giúp xã hội	Cục Bảo trợ xã hội	Phòng BTXH và PCTN xã hội	UBND cấp xã khi cần xác minh địa bàn/cơ sở	Thông tin cơ sở, địa chỉ, giấy phép, quy mô, người quản lý, trạng thái hoạt động, đối tượng đang quản lý.
2	CSDL đối tượng trợ giúp xã hội	Cục Bảo trợ xã hội	Phòng BTXH và PCTN xã hội	UBND cấp xã, công chức văn hóa - xã hội, Công an cấp xã, tư pháp	Định danh, địa chỉ, tình trạng hưởng chính sách, trùng đối tượng, đối tượng không còn cư trú, đối tượng đã mất.
3	CSDL lĩnh vực dự phòng, HIV, AIDS	Cục Phòng bệnh	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Công an cấp xã, tư pháp, trạm y tế khi cần xác minh	CCCD/CMND, BHYT, trùng hồ sơ, tình trạng điều trị, chuyển tuyến, tử vong, bỏ trị, thông tin dự phòng.
4	CSDL môi trường cơ sở y tế	Đơn vị được Bộ Y tế giao quản lý môi trường y tế	Phòng KHTC	UBND cấp xã khi cần xác minh địa bàn/cơ sở	Thông tin cơ sở y tế, chất thải y tế, nước thải, hợp đồng xử lý, quan trắc, hồ sơ pháp lý môi trường.
5	CSDL người khuyết tật	Cục Bảo trợ xã hội	Phòng BTXH và PCTN xã hội	UBND cấp xã, Công an cấp xã, tư pháp, công chức văn hóa - xã hội	Định danh, mức độ khuyết tật, giấy xác nhận, chính sách hưởng, trạng thái hiện tại.
6	CSDL người làm công tác xã hội	Cục Bảo trợ xã hội	Phòng BTXH và PCTN xã hội	UBND cấp xã khi cần xác minh	Định danh, nơi công tác, trình độ, vị trí, tình trạng đang làm việc/ngỉ/chuyển đơn vị.
7	CSDL quản lý trẻ em	Cục Bà mẹ và Trẻ em	Chi cục Dân số và trẻ em	UBND cấp xã, tư pháp, Công an cấp xã, trạm y tế, cộng tác viên	Trẻ em dưới 16 tuổi, trẻ mới sinh, khai sinh, địa chỉ, người giám hộ, trẻ chuyển đi/đã mất.
8	CSDL về an toàn thực phẩm	Cục An toàn thực phẩm	Chi cục ATVSTP	UBND cấp xã, Công an cấp xã, cơ sở thực phẩm	Cơ sở sản xuất/kinh doanh, giấy chứng nhận, địa chỉ, người đại diện, sản phẩm, kiểm nghiệm, thanh tra, trạng thái hoạt động.

9	CSDL về khám, chữa bệnh	Cục Quản lý Khám, chữa bệnh	Phòng Nghiệp vụ Y, các cơ sở KBCB	Công an cấp xã khi xác minh định danh/cư trú; trạm y tế khi xác minh địa bàn	Thông tin định danh cơ sở khám, chữa bệnh; Thông tin định danh người hành nghề, chuyên môn.
10	CSDL về nhân lực y tế	Đơn vị được Bộ Y tế giao quản lý nhân lực y tế (Vụ TCCB)	Phòng TCCB	Công an cấp xã khi cần xác minh định danh/cư trú của nhân sự	Hồ sơ nhân sự, CCCD, giấy phép hành nghề, trình độ, chuyên khoa, nơi công tác, biến động nhân lực.
11	Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia	Cục Phòng bệnh	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	Trạm y tế, Công an cấp xã, tư pháp đối với trẻ em/người dân cần xác minh	CCCD/mã định danh, ngày sinh, địa chỉ, lịch sử tiêm, mũi tiêm, loại vắc xin, trùng người được tiêm.
12	Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản	Cục Bà mẹ và Trẻ em	Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật	Trạm y tế, tư pháp, Công an cấp xã	Dữ liệu liên thông HIS-eMCH, hồ sơ test, thông tin mẹ/trẻ, ngày sinh, dịch vụ CSSKSS.